

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**



**GIÁO TRÌNH**

# **LÝ THUYẾT KIỂM TOÁN**

**Trình độ: Đại học  
Nhóm ngành: Kinh tế**

**Ths. VƯƠNG YẾN LINH (chủ biên)**

**Cần Thơ, Tháng 04 năm 2026  
Lưu hành nội bộ**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**



**GIÁO TRÌNH**

# **LÝ THUYẾT KIỂM TOÁN**

**Trình độ: Đại học  
Nhóm ngành: Kinh tế**

**Ths. VƯƠNG YẾN LINH (chủ biên)**

**Cần Thơ, Tháng 04 năm 2026  
Lưu hành nội bộ**

## LỜI NÓI ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng phát triển theo hướng hiện đại, minh bạch và hội nhập sâu rộng, kiểm toán giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc kiểm tra, xác nhận tính trung thực, hợp lý của thông tin tài chính, đồng thời góp phần nâng cao hiệu lực quản trị, tăng cường kỷ luật tài chính và củng cố niềm tin của các chủ thể có liên quan đối với hoạt động của đơn vị. Cùng với sự phát triển của thị trường, yêu cầu chuẩn hóa về chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và chất lượng dịch vụ kiểm toán ngày càng được đặt ra cao hơn, đòi hỏi công tác đào tạo trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán phải được quan tâm đầu tư cả về nội dung, phương pháp và tài liệu giảng dạy.

Xuất phát từ yêu cầu đó, giáo trình “**Lý thuyết Kiểm toán**” được biên soạn nhằm cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng, có hệ thống và tương đối toàn diện về lý luận kiểm toán; giúp người học tiếp cận các nguyên tắc, chuẩn mực, quy trình, phương pháp và kỹ thuật cơ bản trong kiểm toán. Giáo trình đồng thời hướng đến việc hình thành tư duy logic, năng lực phân tích, khả năng nhận diện và đánh giá rủi ro, qua đó tạo cơ sở cho việc tiếp cận các học phần chuyên sâu và vận dụng kiến thức vào thực tiễn nghề nghiệp sau này.

Giáo trình được biên soạn chủ yếu để phục vụ công tác giảng dạy và học tập môn **Kiểm toán 1** đối với sinh viên khối ngành kinh tế, đặc biệt là sinh viên ngành Kế toán tại Trường Đại học Nam Cần Thơ. Đây là học phần có vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo, **được bố trí giảng dạy vào năm thứ ba, với thời lượng tương ứng từ 2 đến 3 tín chỉ**, phù hợp với lộ trình đào tạo và mức độ tiếp cận kiến thức chuyên ngành của sinh viên. Để học tập hiệu quả học phần này, người học cần **đã hoàn thành các học phần về kế toán tài chính và nắm vững kiến thức về báo cáo tài chính**, bởi đây là nền tảng cần thiết để hiểu rõ đối tượng kiểm toán, nội dung kiểm toán cũng như phương pháp tổ chức thực hiện kiểm toán trong thực tế.

Về phương diện sử dụng, giáo trình được xác định là tài liệu giảng dạy chính thức, phục vụ trực tiếp cho hoạt động giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên trong nhà trường; đồng thời có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho những người học tập, nghiên cứu và quan tâm đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán. So với các giáo trình hiện có trên thị trường, nội dung giáo trình được trình bày theo hướng bảo đảm tính khoa học, tính hệ thống, **tính cập nhật** và tính sư phạm; kết hợp giữa lý thuyết cơ bản, **ví dụ minh họa và định hướng vận dụng**, nhằm hỗ trợ người học tiếp cận kiến thức một cách logic, dễ hiểu và có khả năng liên hệ thực tiễn.

Mục tiêu của giáo trình là:

Thứ nhất, cung cấp những kiến thức cơ bản và cốt lõi về kiểm toán, bao gồm chuẩn mực, nguyên tắc, quy trình và phương pháp thu thập, đánh giá bằng chứng kiểm toán.

Thứ hai, góp phần rèn luyện cho người học năng lực tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, đánh giá và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán.

Thứ ba, tạo nền tảng chuyên môn cần thiết để sinh viên ngành kế toán - kiểm toán có thể tiếp tục học tập các học phần chuyên sâu, đồng thời từng bước vận dụng kiến thức đã học vào thực hành nghề nghiệp theo đúng yêu cầu chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp.

Nội dung giáo trình gồm 07 chương:

Chương 1: Tổng quan kiểm toán

Chương 2: Chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp kiểm toán

Chương 3: Hệ thống kiểm soát nội bộ

Chương 4: Các khái niệm cơ bản dùng trong kiểm toán

Chương 5: Hồ sơ và thủ tục kiểm toán

Chương 6: Phương pháp và lấy mẫu kiểm toán

Chương 7: Trình tự các bước kiểm toán

Trong quá trình biên soạn, tác giả đã cố gắng kế thừa có chọn lọc các tài liệu có liên quan, đồng thời bám sát mục tiêu đào tạo, đề cương học phần và yêu cầu thực tiễn đối với việc giảng dạy học phần Lý thuyết Kiểm toán. Tuy nhiên, do phạm vi kiến thức rộng và yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn đào tạo, giáo trình khó tránh khỏi những hạn chế nhất định. Tác giả rất mong nhận được các ý kiến góp ý của các nhà khoa học, giảng viên, đồng nghiệp và bạn đọc để giáo trình tiếp tục được bổ sung, chỉnh lý và hoàn thiện hơn trong thời gian tới.

Tác giả trân trọng giới thiệu giáo trình cùng quý bạn đọc.

**TÁC GIẢ**

## MỤC LỤC

|  |      |
|--|------|
| DANH MỤC BẢNG .....  | vi   |
| DANH MỤC HÌNH .....  | vii  |
| DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT .....   | viii |
| Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KIỂM TOÁN .....   | 1    |
| 1.1 LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA KIỂM TOÁN .....   | 1    |
| 1.1.1 Lịch sử ra đời và phát triển của kiểm toán trên thế giới .....                                 | 1    |
| 1.1.2 Lịch sử phát triển của kiểm toán ở Việt Nam .....  | 7    |
| 1.2 KHÁI NIỆM VÀ BẢN CHẤT CỦA KIỂM TOÁN .....  | 9    |
| 1.2.1 Khái niệm .....  | 9    |
| 1.2.2 Bản chất .....   | 9    |
| 1.3 ĐỐI TƯỢNG, KHÁCH THỂ VÀ CHỨC NĂNG CỦA KIỂM TOÁN .....  | 11   |
| 1.3.1 Khái quát về đối tượng và khách thể kiểm toán .....  | 11   |
| 1.3.1.1 Đối tượng của kiểm toán .....  | 11   |
| 1.3.1.2 Khách thể kiểm toán và sự phân loại .....  | 11   |
| 1.3.1.3 Khái niệm cuộc kiểm toán .....   | 12   |
| 1.3.2 Các yếu tố cấu thành đối tượng kiểm toán .....   | 13   |
| 1.3.2.1 Thực trạng hoạt động tài chính .....   | 13   |
| 1.3.2.2 Tài liệu kế toán .....   | 14   |
| 1.3.2.3 Thực trạng tài sản và nghiệp vụ tài chính .....  | 16   |
| 1.3.2.4 Hiệu quả và hiệu năng .....  | 17   |
| 1.3.3 Chức năng của kiểm toán .....  | 18   |
| 1.3.3.1 Chức năng xác minh .....   | 19   |
| 1.3.3.2 Chức năng bày tỏ ý kiến .....  | 20   |
| 1.4 PHÂN LOẠI KIỂM TOÁN .....  | 22   |
| 1.4.1 Phân loại kiểm toán theo đối tượng cụ thể .....  | 22   |
| 1.4.1.1 Kiểm toán tài chính .....  | 22   |
| 1.4.1.2 Kiểm toán hoạt động .....  | 23   |
| 1.4.1.3 Kiểm toán tuân thủ .....   | 24   |
| 1.4.2 Phân loại kiểm toán theo chủ thể kiểm toán .....   | 25   |
| 1.4.2.1 Kiểm toán Nhà nước .....   | 25   |
| 1.4.2.2 Kiểm toán độc lập .....  | 26   |
| 1.4.2.3 Kiểm toán nội bộ .....   | 27   |
| TÓM TẮT CHƯƠNG 1 .....   | 30   |
| CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 1 .....  | 30   |
| Chương 2. CHUẨN MỰC VÀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP KIỂM TOÁN .....   | 31   |
| 2.1 CHUẨN MỰC KIỂM TOÁN .....  | 31   |
| 2.1.1 Khái quát chung về chuẩn mực kiểm toán .....   | 31   |
| 2.1.2 Chuẩn mực kiểm toán được chấp nhận phổ biến (GAAS-GENERALLY ACCEPTED AUDITING STANDARDS) ..... | 34   |

|         |   |    |
|---------|---|----|
| 2.1.2.1 | <i>Chuẩn mực chung</i>                                    | 34 |
| 2.1.2.2 | <i>Chuẩn mực thực hành</i>                                | 35 |
| 2.1.2.3 | <i>Chuẩn mực báo cáo</i>                                  | 35 |
| 2.1.3   | Xây dựng chuẩn mực kiểm toán                              | 36 |
| 2.2     | ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP KIỂM TOÁN                             | 36 |
| 2.2.1   | Tính chính trực   | 37 |
| 2.2.2   | Tính khách quan   | 38 |
| 2.2.3   | Tính độc lập  | 38 |
| 2.2.4   | Bảo mật thông tin   | 40 |
| 2.2.5   | Năng lực chuyên môn và thái độ thận trọng                 | 40 |
| 2.2.6   | Tư cách nghề nghiệp                                       | 41 |
| 2.2.7   | Tuân thủ chuyên môn nghề nghiệp                           | 41 |
| 2.2.8   | Tình huống đạo đức nghề nghiệp                            | 41 |
| 2.3     | TỔ CHỨC BỘ MÁY KIỂM TOÁN                                  | 42 |
| 2.3.1   | Nguyên tắc tổ chức bộ máy kiểm toán                       | 42 |
| 2.3.2   | Kiểm toán viên, tổ chức kiểm toán và hiệp hội nghề nghiệp | 43 |
| 2.3.2.1 | <i>Kiểm toán viên</i>                                     | 43 |
| 2.3.2.2 | <i>Tổ chức bộ máy kiểm toán</i>                           | 47 |
| 2.3.2.3 | <i>Các hiệp hội kiểm toán viên</i>                        | 54 |
| 2.3.3   | Tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ                           | 55 |
|         | TÓM TẮT CHƯƠNG 2  | 57 |
|         | CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 2                                   | 57 |
|         | Chương 3. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ                       | 58 |
| 3.1     | KHÁI NIỆM VÀ VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ        | 58 |
| 3.1.1   | Khái niệm   | 58 |
| 3.1.2   | Vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ                     | 60 |
| 3.1.2.1 | <i>Bảo vệ tài sản và đảm bảo chất lượng thông tin</i>     | 61 |
| 3.1.2.2 | <i>Nâng cao hiệu quả hoạt động và thúc đẩy tuân thủ</i>   | 61 |
| 3.1.2.3 | <i>Hỗ trợ quản trị rủi ro và ra quyết định chiến lược</i> | 61 |
| 3.2     | CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ            | 61 |
| 3.2.1   | Môi trường kiểm soát                                      | 62 |
| 3.2.2   | Đánh giá rủi ro   | 64 |
| 3.2.3   | Thông tin và truyền thông                                 | 65 |
| 3.2.4   | Hoạt động kiểm soát                                       | 68 |
| 3.2.5   | Giám sát  | 70 |
| 3.3     | CÁC NGUYÊN TẮC THIẾT KẾ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ         | 71 |
| 3.3.1   | Nguyên tắc phân công phân nhiệm                           | 71 |
| 3.3.2   | Nguyên tắc bất kiêm nhiệm                                 | 72 |
| 3.3.3   | Nguyên tắc ủy quyền và phê chuẩn                          | 72 |
| 3.4     | NHỮNG HẠN CHẾ VỐN CỐ CỦA HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ        | 73 |

|   |     |
|---|-----|
| TÓM TẮT CHƯƠNG 3 .....  | 74  |
| CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 3 .....   | 74  |
| Chương 4. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN DÙNG TRONG KIỂM TOÁN .....             | 76  |
| 4.1 CƠ SỞ DẪN LIỆU .....  | 76  |
| 4.1.1 Khái niệm.....  | 76  |
| 4.1.2 Nội dung của cơ sở dẫn liệu .....                               | 76  |
| 4.1.3 Ý nghĩa của cơ sở dẫn liệu tới công việc kiểm toán .....        | 79  |
| 4.2 GIAN LẬN VÀ SAI SÓT .....   | 80  |
| 4.2.1 Khái niệm.....  | 80  |
| 4.2.1.1 Gian lận.....   | 80  |
| 4.2.1.2 Sai sót .....   | 82  |
| 4.2.2 Các yếu tố dẫn đến gian lận và sai sót .....                    | 83  |
| 4.2.2.1 Đối với gian lận .....  | 83  |
| 4.2.2.2 Đối với sai sót .....   | 84  |
| 4.2.3 Mối quan hệ giữa gian lận và sai sót .....                      | 84  |
| 4.2.4 Trách nhiệm của kiểm toán viên đối với gian lận và sai sót..... | 85  |
| 4.3 TRỌNG YẾU .....   | 86  |
| 4.3.1 Khái niệm.....  | 86  |
| 4.3.2 Vận dụng tính trọng yếu .....                                   | 87  |
| 4.3.2.1 Mức trọng yếu .....   | 87  |
| 4.3.2.2 Tính trọng yếu .....  | 90  |
| 4.4 RỦI RO KIỂM TOÁN .....  | 91  |
| 4.4.1 Khái niệm.....  | 91  |
| 4.4.2 Các loại rủi ro kiểm toán.....                                  | 92  |
| 4.4.2.1 Rủi ro tiềm tàng ( <i>Inherent risk-IR</i> ).....             | 92  |
| 4.4.2.2 Rủi ro kiểm soát ( <i>Control risk-CR</i> ) .....             | 94  |
| 4.4.2.3 Rủi ro phát hiện ( <i>Detection risk-DR</i> ).....            | 95  |
| 4.4.3 Mối quan hệ giữa các loại rủi ro trong kiểm toán.....           | 96  |
| 4.5 BẰNG CHỨNG KIỂM TOÁN.....   | 99  |
| 4.5.1 Khái niệm và phân loại bằng chứng kiểm toán .....               | 99  |
| 4.5.1.1 Khái niệm .....   | 99  |
| 4.5.1.2 Phân loại .....   | 100 |
| 4.5.2 Yêu cầu đối với bằng chứng kiểm toán .....                      | 103 |
| 4.5.3 Kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán.....                     | 106 |
| 4.5.3.1 Kiểm tra.....   | 106 |
| 4.5.3.2 Quan sát .....  | 108 |
| 4.5.3.3 Xác nhận từ bên ngoài .....                                   | 108 |
| 4.5.3.4 Phỏng vấn.....  | 108 |
| 4.5.3.5 Tính toán lại .....   | 109 |
| 4.5.3.6 Phân tích .....   | 109 |

|   |     |
|---|-----|
| 4.5.3.7 <i>Thực hiện lại</i> .....  | 111 |
| 4.5.4 Một số bằng chứng kiểm toán đặc biệt .....                                  | 111 |
| 4.6 TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC .....   | 113 |
| 4.6.1 Khái niệm .....   | 113 |
| 4.6.2 Các biểu hiện hoạt động không liên tục .....                                | 113 |
| 4.6.3 Trách nhiệm của kiểm toán viên liên quan đến giả định hoạt động liên tục .. | 115 |
| TÓM TẮT CHƯƠNG 4 .....  | 116 |
| CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 4 .....   | 116 |
| Chương 5. HỒ SƠ VÀ THỦ TỤC KIỂM TOÁN .....  | 117 |
| 5.1 HỒ SƠ KIỂM TOÁN .....   | 117 |
| 5.1.1 Khái niệm và vai trò của hồ sơ kiểm toán .....                              | 117 |
| 5.1.1.1 <i>Khái niệm</i> .....  | 117 |
| 5.1.1.2 <i>Vai trò của hồ sơ kiểm toán</i> .....                                  | 117 |
| 5.1.2 Yêu cầu và nội dung của hồ sơ kiểm toán .....                               | 119 |
| 5.1.2.1 <i>Yêu cầu hồ sơ kiểm toán</i> .....                                      | 119 |
| 5.1.2.2 <i>Nội dung</i> .....   | 120 |
| 5.2 THỦ TỤC KIỂM TOÁN .....   | 121 |
| 5.2.1 Khái niệm .....   | 121 |
| 5.2.2 Thử nghiệm kiểm soát .....  | 122 |
| 5.2.2.1 <i>Thực hiện thử nghiệm kiểm soát</i> .....                               | 122 |
| 5.2.2.2 <i>Lịch trình các thử nghiệm kiểm soát</i> .....                          | 126 |
| 5.2.2.3 <i>Phạm vi các thử nghiệm kiểm soát</i> .....                             | 129 |
| 5.2.3 Thử nghiệm cơ bản .....   | 131 |
| 5.2.3.1 <i>Thực hiện thủ tục phân tích cơ bản</i> .....                           | 131 |
| 5.2.3.2 <i>Lịch trình và phạm vi thực hiện các thử nghiệm cơ bản</i> .....        | 134 |
| 5.2.3.3 <i>Phạm vi thực hiện các thử nghiệm cơ bản</i> .....                      | 135 |
| TÓM TẮT CHƯƠNG 5 .....  | 136 |
| CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 5 .....   | 136 |
| Chương 6. PHƯƠNG PHÁP VÀ LẤY MẪU KIỂM TOÁN .....                                  | 137 |
| 6.1 PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN .....   | 137 |
| 6.1.1 Cơ sở tiếp cận phương pháp kiểm toán .....                                  | 137 |
| 6.1.2 Phương pháp kiểm toán chứng từ .....  | 138 |
| 6.1.2.1 <i>Phương pháp kiểm toán cân đối</i> .....                                | 138 |
| 6.1.2.2 <i>Phương pháp kiểm toán đối chiếu</i> .....                              | 139 |
| 6.1.3 Phương pháp kiểm toán ngoài chứng từ .....                                  | 142 |
| 6.1.3.1 <i>Khái niệm</i> .....  | 142 |
| 6.1.3.2 <i>Phân loại</i> .....  | 142 |
| 6.2 LẤY MẪU KIỂM TOÁN .....   | 144 |
| 6.2.1 Vai trò và sự cần thiết của việc lấy mẫu trong kiểm toán .....              | 144 |
| 6.2.2 Một số khái niệm cơ bản trong chọn mẫu kiểm toán .....                      | 145 |

|   |     |
|---|-----|
| 6.2.3 Phân biệt rủi ro do chọn mẫu và ngoài chọn mẫu.....   | 146 |
| 6.2.3.1 Rủi ro do chọn mẫu ( <i>Sampling Risk</i> ) .....   | 146 |
| 6.2.3.2 Rủi ro ngoài chọn mẫu ( <i>Non-sampling Risk</i> ).....   | 146 |
| TÓM TẮT CHƯƠNG 6 .....  | 147 |
| CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 6 .....   | 147 |
| Chương 7. TRÌNH TỰ CÁC BƯỚC KIỂM TOÁN .....   | 148 |
| 7.1 LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO KIỂM TOÁN.....  | 148 |
| 7.1.1 Đánh giá việc chấp nhận khách hàng và rủi ro liên quan đến hợp đồng kiểm toán .....                           | 149 |
| 7.1.2 Ký kết hợp đồng kiểm toán và lựa chọn nhóm kiểm toán .....  | 152 |
| 7.1.3 Thu thập thông tin về đơn vị được kiểm toán.....  | 153 |
| 7.1.4 Thực hiện các thủ tục phân tích sơ bộ .....   | 155 |
| 7.1.5 Đánh giá tính trọng yếu, tìm hiểu kiểm soát nội bộ và rủi ro kiểm toán .....                                  | 157 |
| 7.1.6 Lập kế hoạch kiểm toán .....  | 158 |
| 7.2 THỰC HIỆN KIỂM TOÁN .....   | 163 |
| 7.2.1 Tìm hiểu và đánh giá hệ thống kế toán cùng các quy chế kiểm soát nội bộ liên quan đến cuộc kiểm toán .....    | 163 |
| 7.2.2 Kiểm toán các phần hành của báo cáo tài chính.....  | 164 |
| 7.2.3 Phân tích và đánh giá sau kiểm toán.....  | 166 |
| 7.3 KẾT THÚC KIỂM TOÁN .....  | 166 |
| 7.3.1 Tổng hợp kết quả kiểm toán .....  | 166 |
| 7.3.2 Lập báo cáo kiểm toán.....  | 167 |
| 7.3.2.1 <i>Khái niệm, nội dung và yêu cầu</i> .....   | 167 |
| 7.3.2.2 <i>Các loại ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính</i> .....   | 168 |
| 7.3.3 Xử lý các sự kiện sau khi lập báo cáo kiểm toán.....  | 172 |
| 7.3.3.1 <i>Sự kiện xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng trước ngày lập báo cáo kiểm toán</i> .....             | 172 |
| 7.3.3.2 <i>Sự kiện được biết đến sau ngày lập báo cáo kiểm toán nhưng trước khi công bố báo cáo tài chính</i> ..... | 173 |
| 7.3.3.3 <i>Sự kiện phát sinh sau khi công bố báo cáo tài chính</i> .....  | 174 |
| TÓM TẮT CHƯƠNG 7 .....  | 175 |
| CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 7 .....   | 175 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO .....  | 176 |

## DANH MỤC BẢNG

|   |     |
|---|-----|
| Bảng 1.1: Phân loại kiểm toán theo chủ thể kiểm toán .....  | 28  |
| Bảng 1.2: So sánh các loại kiểm toán theo mục tiêu và trọng tâm.....  | 29  |
| Bảng 2.1: Phân nhóm một số Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA) và Chuẩn mực kiểm toán quốc tế (ISA) .....      | 32  |
| Bảng 2.2: Hệ thống 43 Chuẩn mực Kiểm toán Nhà nước theo Thông tư 04/2026/TT-KTNN .....                        | 33  |
| Bảng 4.1: Các tiêu chí và tỷ lệ tham khảo dùng để xác định mức trọng yếu trong báo cáo tài chính .....        | 89  |
| Bảng 4.2: Mối quan hệ giữa IR, CR và rủi ro phát hiện trong lập chiến lược kiểm toán .....                    | 97  |
| Bảng 4.3: Ma trận rủi ro kiểm soát và rủi ro tiềm tàng .....  | 99  |
| Bảng 5.1: Ví dụ về các quy trình kiểm soát chủ yếu và các thủ tục khảo sát kiểm soát điển hình .....          | 130 |
| Bảng 5.2: Ví dụ về mục tiêu kiểm toán và các thủ tục kiểm tra chi tiết đối với tiền và tương đương tiền ..... | 133 |
| Bảng 7.1: Phân loại các loại ý kiến kiểm toán .....   | 170 |

## DANH MỤC HÌNH

|  |     |
|--|-----|
| Hình 2.1. Sơ đồ Kiểm toán Nhà nước tổ chức độc lập với Quốc hội và Chính phủ ..... | 48  |
| Hình 2.2. Sơ đồ Mô hình tổ chức kiểm toán Nhà nước Canada .....                    | 49  |
| Hình 3.1. Mô hình 5 yếu tố.....  | 62  |
| Hình 4.1. Môi quan hệ giữa các loại rủi ro.....                                    | 96  |
| Hình 7.1. Quy trình kiểm toán BCTC .....   | 148 |
| Hình 7.2. Các bước lập kế hoạch kiểm toán.....                                     | 149 |
| Hình 7.3. Sơ đồ hoạch định kế hoạch kiểm toán chi tiết.....                        | 160 |
| Hình 7.4. Các bước thực hiện kiểm toán .....                                       | 163 |
| Hình 7.5. Các bước cần thực hiện trong giai đoạn kết thúc kiểm toán .....          | 166 |

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| Chữ viết tắt | Diễn giải   |
|--------------|---|
| ACCA         | Association of Chartered Certified Accountants - Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh                                  |
| AICPA        | American Institute of Certified Public Accountants - Viện Kế toán Công chứng Hoa Kỳ                               |
| BCTC         | Báo cáo tài chính   |
| BCTCDN       | Báo cáo tài chính doanh nghiệp  |
| BTC          | Bộ Tài chính  |
| CIA          | Certified Internal Auditor - Kiểm toán viên nội bộ được chứng nhận  |
| CNTT         | Công nghệ thông tin   |
| COSO         | Committee of Sponsoring Organizations - Ủy ban các tổ chức tài trợ của Ủy ban Treadway (mô hình kiểm soát nội bộ) |
| CPA          | Certified Public Accountant - Kế toán viên công chứng   |
| CR           | Control Risk - Rủi ro kiểm soát   |
| DR           | Detection Risk - Rủi ro phát hiện   |
| EY           | Ernst & Young - Tập đoàn kiểm toán quốc tế  |
| GAAP         | Generally Accepted Accounting Principles - Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận phổ biến                         |
| GAAS         | Generally Accepted Auditing Standards - Chuẩn mực kiểm toán được chấp nhận phổ biến                               |
| GAO          | Government Accountability Office - Cơ quan Tổng Kiểm toán Hoa Kỳ  |
| GATS         | General Agreement on Trade in Services - Hiệp định chung về thương mại dịch vụ                                    |
| GTGT         | Thuế giá trị gia tăng   |
| IAASB        | International Auditing and Assurance Standards Board - Ủy ban chuẩn mực kiểm toán và đảm bảo quốc tế              |
| IFAC         | International Federation of Accountants - Liên đoàn Kế toán Quốc tế   |
| IFACI        | Institut Français de l'Audit et du Contrôle Interne - Viện Kiểm toán và Kiểm soát nội bộ Pháp                     |
| IIA          | Institute of Internal Auditors - Viện Kiểm toán Nội bộ  |
| INTOSAI      | International Organization of Supreme Audit Institutions - Tổ chức quốc tế các cơ quan kiểm toán tối cao          |
| IR           | Inherent Risk - Rủi ro tiềm tàng  |
| ISA          | International Standards on Auditing - Chuẩn mực kiểm toán quốc tế   |
| ISQC         | International Standard on Quality Control - Chuẩn mực kiểm soát chất lượng quốc tế                                |
| KPMG         | Klynveld Peat Marwick Goerdeler - Tập đoàn kiểm toán quốc tế  |
| KSNB         | Kiểm soát nội bộ  |
| KTNB         | Kiểm toán nội bộ  |
| KTNN         | Kiểm toán Nhà nước  |
| KTV          | Kiểm toán viên  |
| KTVNN        | Kiểm toán viên Nhà nước   |
| PwC          | PricewaterhouseCoopers - Tập đoàn kiểm toán quốc tế   |